

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG BANG TASMANIA, ÚC

1- Thông tin cơ bản

Tên đầy đủ	Tasmania
Tên viết tắt	TAS
Vị trí địa lý	Tasmania là một đảo của Úc và cũng là bang cùng tên. Bang nằm khoảng 240 km (150 dặm) phía nam của phần đông của lục địa Úc, cách lục địa bởi eo biển Bass. Bang Tasmania bao gồm đảo Tasmania, và các đảo xung quanh khác.
Diện tích	90.758 km ²
Dân số	Tính đến tháng 6 năm 2015, dân số của Tasmania là khoảng 516.630 người
Mật độ dân số	7,55 người/Km ²
Thủ phủ	Hobart
Tổng giá trị sản phẩm của Bang (GSP)	Năm tài chính: 2013-14: 25, 015 tỷ AUD tăng 1,3% Năm tài chính: 2014-15: 25,681 tỷ AUD tăng 1,6%
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	Năm tài chính: 2013-14: 7,7% Năm tài chính: 2014-15: 6,8%
Sản phẩm nông nghiệp chính	Thịt bò
Sản phẩm công nghiệp chính	Công nghiệp khai khoáng (bao gồm đồng, kẽm, thiếc, và sắt) và Du lịch

2- Xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ

ĐVT: Triệu AUD

	Hàng hóa	Dịch vụ	Tổng số
Xuất khẩu	2.542	495	3.037
Tỷ trọng cả nước (%)	1,0	0,8	1,0
Nhập khẩu	758	438	1.196
Tỷ trọng cả nước (%)	0,3	0,6	0,4

2.1. Hàng hóa

Trong năm 2014-2015, tổng giá trị xuất khẩu thương mại của Tasmania giảm 4,2%, xuống còn khoảng 3 tỷ đô la (AUD). Trong khi tổng giá trị nhập khẩu tăng nhẹ khoảng 1,6%, đến 1,2 tỷ đô la (AUD) so với năm trước.

Các mặt hàng xuất khẩu chính

TT	Tốp 10 mặt hàng xuất khẩu	Trị giá (Triệu AUD)
	Tổng trị giá toàn Bang	1889
1	Nhôm	492
2	Kẽm	448
3	Quặng sắt và tinh quặng	273
4	Quặng khác và tinh quặng	167
5	Thịt bò	143
6	Sữa, kem, nước sữa và sữa chua	118
7	Động vật giáp xác	96
8	Quặng đồng và tinh quặng	63
9	Cá	45
10	Sô cô la và chế phẩm ca cao	44

Các đối tác xuất khẩu chính

TT	Tốp 5 thị trường xuất khẩu	Trị giá (Triệu AUD)	Tỷ trọng (%)
1	Trung Quốc	488	19,2
2	Đài Loan	321	12,6
3	Nhật Bản	226	8,9
4	Malaysia	209	8,2
5	Việt Nam	162	6,4

Các mặt hàng nhập khẩu chính

TT	Tốp 10 mặt hàng nhập khẩu	Trị giá (Triệu AUD)
	Tổng trị giá toàn Bang	441
1	Tàu & thuyền (bao gồm cả tàu đệm khí)	112
2	Dầu mỏ tinh chế	91
3	Quặng khác và tinh quặng	65

4	Phân bón (ngoại trừ loại thô)	33
5	Sản phẩm dầu thải	33
6	Than cốc và than bán cốc	25
7	Thức ăn chăn nuôi	22
8	Xe chở người có động cơ	21
9	Máy móc không dùng điện và phụ tùng	20
10	Các loại sợi và vải đặc biệt	19

Các đối tác nhập khẩu chính

TT	Tốp 5 thị trường nhập khẩu	Trị giá (Triệu AUD)	Tỷ trọng (%)
1	Trung Quốc	132	17.4
2	Singapore	127	16.8
3	Hàn Quốc	91	12.0
4	Hoa Kỳ	63	8.3
5	Mexico	41	5.4

2. Dịch vụ

Các loại hình dịch vụ xuất khẩu chủ yếu

TT	Tốp 3 loại hình dịch vụ	Trị giá (Triệu AUD)	Tỷ trọng (%)
1	Du lịch cá nhân (không liên quan đến giáo dục)	232	46,9
2	Du học	164	33,1
3	Đi lại kinh doanh	53	10,7

Các loại hình dịch vụ nhập khẩu chủ yếu

TT	Tốp 3 loại hình dịch vụ	Trị giá (Triệu AUD)	Tỷ trọng (%)
1	Du lịch cá nhân (không liên quan đến giáo dục)	294	67,1
2	Vận tải hàng hóa	52	11,9
3	Đi lại kinh doanh	24	5,5

3- Thương mại giữa Việt Nam và Tasmania

ĐVT: Triệu AUD

Năm	Xuất khẩu sang Việt Nam	Nhập khẩu từ Việt Nam	Chênh lệch	Tổng kim ngạch XNK	Thứ hạng
2013-14	115	6	109	121	10
2014-15	162	10	152	172	8

Thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Tasmania năm 2014-15 đạt 172 triệu AUD, chiếm tỷ trọng 5,2%, đứng thứ 8 trong các nước có buôn bán với Tasmania.

Việt Nam là bạn hàng xuất khẩu đứng thứ 5 của Tasmania. Tỷ trọng xuất khẩu của Vùng lãnh thổ này sang Việt Nam năm 2014-2015 tăng 40,9% so với năm 2013-2014, dự kiến tỷ trọng này còn tăng thêm 36,2% trong vòng 5 năm tiếp theo.

Việt Nam là bạn hàng nhập khẩu đứng thứ 16 của Tasmania. Tỷ trọng nhập khẩu của Vùng lãnh thổ này từ Việt Nam năm 2014-2015 tăng đến 66,7% so với năm 2013-2014, dự kiến tỷ trọng này sẽ tăng thêm 10,7% trong vòng 5 năm tiếp theo.

Việt Nam nằm trong top 10 đối tác trao đổi thương mại các mặt hàng chính với Tasmania, Đông Nam Á có 4 nước là Malaysia (đứng thứ 4), Singapore (đứng thứ 7), Việt Nam (đứng thứ 8) và Indonesia (đứng thứ 10) nằm trong top này.